

Bản án số: 43/2017/DS-ST

Ngày 23-8-2017

V/v “*Tranh chấp dân sự về đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Ông Hồ Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 về “*Tranh chấp dân sự về đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68a/2017/QĐXXDS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Thành T, sinh năm 1982; (có mặt),

Địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm: 1967; (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Văn H, sinh năm: 1956; (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-7-2017 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Phan Thành T trình bày:

Vào khoảng tháng 4, 5 năm 2013, anh và vợ chồng chị Trần Thị K, anh Trần Văn H có hùn vốn mua bán dưa hấu, anh bỏ vốn cho chị K quản lý, chị K bỏ công đi bán. Đến cuối vụ là tháng 5-2013 anh và chị K có cộng sổ là số tiền anh bỏ ra là 132.000.000 đồng, còn chị K thì không bỏ tiền ra, số tiền này anh đưa nhiều lần cộng lại chứ không phải đưa một lần, việc đưa tiền là do anh tự ghi vào cuốn sổ để nhớ thôi chứ chị K không có ký tên, cuốn sổ đã bị thất lạc. Hết vụ là tháng 5-2013

anh đòi lấy vốn lại thì chị K xin mượn lại khoản 3 tuần sau trả lại, đến hẹn anh đến lấy tiền nhưng chị K cứ hẹn lần mà không trả. Sau đó chị K có trả cho anh nhiều lần, trả lần thấp nhất là 1.000.000 đồng, cao nhất là 10.000.000 đồng, lần sau cùng là tháng 01-2017 trả 5.000.000 đồng, chị K gửi cho chị dâu anh là Phạm Thị B ở ấp K, xã C nhận đưa lại cho anh, cộng lại là 45.000.000 đồng, còn lại 87.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu chị K và anh H trả lại cho anh 87.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất nhà nước là 0,75%/tháng từ giữa tháng 5 là ngày 15-5-2014 cho đến nay. Ngoài ra anh không còn chứng cứ hay yêu cầu gì khác. Tại tòa anh T yêu cầu tính lãi từ ngày 05-6-2014 đến nay.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:* Vào năm 2012 chị có bán dưa hấu dùm cho anh T. Cuối năm 2013 chị và anh T hùn vốn mua bán dưa hấu, chị và T cả hai đều bỏ vốn mỗi người hơn một trăm triệu đồng. Việc hùn vốn giữa chị và anh T thì không làm giấy tờ gì cả, cũng không có ai biết, kể cả chồng chị cũng không biết, chị cũng không có ghi sổ sách mua bán hay mỗi lần nhận tiền của anh T gì cả, chỉ nhớ và nói miệng với nhau thôi. Cuối vụ dưa là tháng 4-2014 chị và anh T có tính sổ thì số tiền anh T đưa cho chị là 109.000.000 đồng, cộng tiền lời dưa là 23.000.000 đồng, nên T được 132.000.000 đồng, lần chốt sổ cuối cùng thì chị có ghi vào cuốn sổ của chị để nhớ, nhưng cuốn sổ đã bị thất lạc. Do lúc đó chị bỏ dưa hấu qua Campuchia bị người ta giữ nên không có tiền trả lại cho anh T, nên chị xin trả dần thì anh T cũng đồng ý. Sau đó khoảng 02 tuần sau chị bắt đầu trả góp cho anh Trung lần 10.000.000 đồng, lần 5.000.000 đồng, lần cuối cùng là tháng 3-2017 chị gửi tiền cho chị dâu của anh T tên B ở ấp K, xã C là 5.000.000 đồng. Chị trả góp dần được số tiền 45.000.000 đồng, hiện còn nợ anh T 87.000.000 đồng, chị đồng ý hai vợ chồng chị cùng trả số nợ này, còn tiền lãi thì chị đồng ý trả 10.000.000 đồng, còn lại chị xin, do chị quá khổ không có tiền trả lãi. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn H trình bày: Việc hùn vốn mua bán dưa hấu giữa vợ anh và anh T thì anh không biết, cũng không phụ vợ đi mua bán dưa. Nay anh T kiện vợ chồng anh đòi số tiền hùn mua bán dưa là 87.000.000 đồng và tiền lãi thì anh không đồng ý trả. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà K, ông H trả cho anh T số tiền 87.000.000 đồng và tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Anh T yêu cầu vợ chồng chị K anh H trả số tiền hùn mua bán là 87.000.000 đồng, chị K xác nhận anh T có hùn vốn mua bán số

tiền 87.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này. Tòa án thụ lý vụ kiện tranh chấp đòi tài sản là đúng theo quy định tại Điều 256 -Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Các bên đương sự thống nhất thời điểm chấm dứt việc góp vốn mua bán là tháng 5-2014 đến ngày anh T khởi kiện đến Tòa án là 03-7-2017 là hơn ba năm. Tuy nhiên ngày chị K trả nợ lần sau là ngày 23-02-2017 và bị đơn cũng đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn là bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung vụ án*: Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng, anh T yêu cầu chị K và anh H trả lại cho anh số tiền anh hùn góp vốn mua bán là 87.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất nhà nước là 0,75%/tháng từ ngày 05-6-2014 cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

[4] Qua làm việc bị đơn chị K thừa nhận vợ chồng chị có nợ anh T số tiền 87.000.000 đồng tiền hùn góp vốn mua bán và đồng ý trả số tiền trên, nhưng chị không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của anh T, chị chỉ đồng ý trả 10.000.000 đồng tiền lãi, số còn lại chị xin. Anh H không đồng ý cùng chị K trả số tiền trên.

[5] Xét thấy, anh T, chị K thống nhất là từ năm 2014, anh T và chị K có hợp đồng miệng hùn vốn mua bán dưa hấu. Cuối vụ dưa hai bên tính sổ thì số tiền anh T đưa cho chị K và tiền lời dưa là 132.000.000 đồng, nhưng chị K không trả lại cho anh T, sau đó chị K trả dần cho anh T nhiều lần là 45.000.000 đồng, còn nợ 87.000.000 đồng, trong đó lần trả cuối cùng là 5.000.000 đồng vào ngày 23-02-2017. Nay anh T và chị K thống nhất số nợ 87.000.000 đồng, chị K đồng ý vợ chồng chị cùng trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với quy định tại Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005.

[6] Anh H cho rằng việc hùn vốn mua bán dưa hấu là do vợ anh và anh T làm anh không biết, nên không đồng ý trả nợ. Xét thấy, chị K hùn vốn mua bán dưa hấu với anh T, mục đích là kiếm lời để chi phí cho gia đình, nuôi con cái, đó là nghĩa vụ chung của vợ chồng, nên cho rằng một mình chị K thực hiện thì trách nhiệm vẫn là của hai vợ chồng; hơn nữa việc chị K làm ăn với anh T là thời gian anh H và chị K là vợ chồng, nên số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của anh H chị K đang tồn tại, nên cần buộc anh H cùng có trách nhiệm với chị K trả nợ cho anh T là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Anh T yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 87.000.000 đồng từ ngày 05-6-2014 với mức lãi suất là 0,75%/tháng theo số nợ vốn cho đến khi giải quyết xong vụ án. Chị K đồng ý trả 10.000.000 đồng. Anh H không đồng ý. Xét thấy, từ ngày gút nợ 15-5-2014, chị K không có tiền trả lại, anh T có cho chị nợ lại 20 ngày sau trả, sau đó có bao nhiêu chị K trả bấy nhiêu, nên tính lãi từ ngày 05-6-2014 đến ngày xét xử là phù hợp. Chị K có trả cho anh T số tiền 45.000.000 đồng, các lần trả cụ thể hai bên không nhớ, nhưng thống nhất số tiền trả và lần trả sau cùng là ngày 23-02-2017, trả 5.000.000 đồng, sau đó anh H, chị K không tiếp tục trả nợ. Hai bên đã thỏa thuận sau khi hết vụ dưa thì chị K có trách nhiệm thanh toán lại cho anh T số tiền hùn vốn, việc chậm thanh toán nợ của chị K anh H đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi chính đáng của anh T được pháp luật bảo vệ. Nay anh T yêu cầu tính

lãi 0,75%/tháng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi yêu cầu được tính như sau:

Từ ngày 05-6-2014 đến nay (ngày 23-8-2017) là 03 năm 02 tháng 18 ngày = 38 tháng 18 ngày:

$87.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 38 \text{ tháng} 18 \text{ ngày} = 25.186.500 \text{ đồng}.$

Cộng vốn lãi là 112.186.500 đồng.

Chị K anh H phải trả cho anh T số tiền là 112.186.500 đồng, trong đó gốc 78.000.000 đồng, lãi là 25.186.500 đồng.

[8] Chị K anh H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, là $112.447.500 \text{ đồng} \times 5\% = 5.609.325 \text{ đồng}$, làm tròn là 5.609.300 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 256, khoản 2 Điều 305 - Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thành T đối với chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn H về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự đòi tài sản”.

Buộc chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn H có trách nhiệm trả cho anh Phan Thành T số tiền 112.186.500 đồng (Một trăm mười hai triệu một trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm đồng) gồm: 87.000.000 đồng nợ gốc mua bán, 25.186.500 đồng tiền lãi.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị K và anh H phải chịu 5.609.300 đồng (Năm triệu sáu trăm lẻ chín ngàn ba trăm đồng).

Hoàn trả cho anh T 2.974.500 đồng (Hai triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0012317 ngày 03-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị K anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H vắng mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trọn

Nguyễn Tuyển

Nguyễn Thị An

